TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/DS-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 442/2023/QĐST-DS ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V2

Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A, Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện pháp luật: Ông Hàn Ngọc V– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H

Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A, Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo uỷ quyền của bà H1:

1. Anh Lê Huy A– chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q

2. Anh Ngô Thanh V1– chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q

3. Anh Hà Văn Cchức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q

Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P số B U, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc G**,** sinh năm 1992.

Anh Nguyễn Minh Thắng E năm 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ B, Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(anh V1 có mặt, anh ACGT vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q anh Ngô Thanh V2 bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q ký với chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T hợp đồng tín dụng số 5722530.20 ngày 17/12/2020 với nội dung: số tiền giải ngân hàng 369.000.000 đồng, mục đích giải ngân là thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS 1.5E, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày 17/12/2020 đến ngày 17/12/2027, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ bản theo sản phần cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả nợ gốc vào ngày 25 tây hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/01/2021, mỗi kỳ trả 4.390.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; hoàn trả lãi vào ngày 25 tây hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 25/01/2021; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng TMCP Q giải ngân cho chị G1 anh T theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5722350 (1).20 ngày 17/12/2020 với số tiền là 369.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Quá trình thực hiện chị G1 anh T1 Eđã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh, từ ngày 07/6/2022 thì chị G2 T1Em không trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 12/9/2023 chị G1 anh T1 Eđã thanh toán được 123.186.063 đồng (trong đó nợ gốc: 74.654.653 đồng, lãi là 48.531.410 đồng) và hiện còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 294.345.347 đồng, nợ lãi trong hạn là 333.542 đồng, lãi quá hạn là 88.951.323 đồng. Tạm tính đến ngày 12/9/2023 chị G1 anh T còn nợ Ngân hàng TMCQ Qsố tiền vốn và lãi là 383.630.212 đồng.

Do đó Ngân hàng TMCP Q kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T trả cho Ngân hàng TMCQ Qsố tiền (tạm tính đến ngày 12/9/2023) là: 383.630.212 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc là: 294.345.347 đồng, nợ lãi là: trong hạn là 333.542 đồng, nợ lãi quá hạn là: 88.951.323 đồng.

Đề nghị yêu cầu tính lãi cho đến khi chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh Thắng E1 đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

- Quyết định số 0178/2016/QĐ-VIB ngày 05/02/2016 (bản photo có đóng dấu treo)

- Giấy căn cước công dân Trần Thị Thu H(Bản sao);

- Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021 (bản sao);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao);

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Q(bản photo có đóng dấu treo)

- Hợp đồng tín dụng số 5722530.20 ngày 17/12/2020 (bản sao);

- Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (Bản sao);

- Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);

- Giấy ủy quyền số 011057.21 ngày 10/11/2021.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 294.345.347 đồng, tiền lãi là 89.284.865 đồng (tính đến ngày 12/9/2023), tổng số tiền là 393.630.212 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh Thắng E1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toàn bộ số nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo Hợp đồng tín dụng số 5722530.20, khế ước nhận nợ số 5722530(1).20 ngày 17/12/2020 cho Ngân hàng TMCP Q số tiến tạm tính đến ngày 12/9/2023 là: 383.630.212 đồng. Trong đó nợ gốc: 294.345.347 đồng, lãi trong hạn là: 333.542 đồng, lãi quá hạn lãi là: 88.951.323 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 17/12/2020, chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T có ký hợp đồng tín dụng số 5722530.20 và Khế ước nhận nợ số 5722530(1).20 với Ngân hàng TMCP Q với số tiền vốn vay là 369.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm (áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân); lãi suất chậm trả 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức thanh toán hàng tháng vào ngày 25, mỗi kỳ trả vốn 4.390.000 đồng và lãi. Việc các bên ký hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không ai bị ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị G1 anh T1 Eđã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhắc nhở về việc trả nợ nhưng chị G1 anh T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn (Ngân hàng), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (Ngân hàng) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (chị G1 anh T). Tuy nhiên, bị đơn (chị G1 anh T) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (Ngân hàng).

Do đó, việc Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu các bị đơn là chị G1 anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vốn vay còn nợ là 294.345.347 đồng và số tiền lãi lãi trong hạn là: 333.542 đồng, lãi quá hạn lãi là: 88.951.323 đồng (tính đến ngày 12/9/2023), tổng cộng vốn và lãi là 383.630.212 đồng là là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q

[6] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu chị G1 anh T liên đới trả số tiền tổng cộng vốn và lãi là 383.630.212 đồng nên chị G1 anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.181.500 đồng.

- Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.695.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000504 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2(TMCP) Quốc tế Việt Nam.

- Buộc chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 383.630.212 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ngày 17/12/2020), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Trúc G1 anh Nguyễn Minh T phải liên đới chịu 19.181.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.965.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000504 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa